# box laravel (https://laravel.com/docs/5.8)

## - cai dat vitualhost

## - cai dat vagrant

## -Installing The Homestead Vagrant Box

vagrant box add laravel/homestead (cai dat box laravel chon vitualhost)

## - Installing Homestead

git clone https://github.com/laravel/homestead.git ~/Homestead

cd ~/Homestead

// Mac / Linux...

bash init.sh

// Windows...

init.bat

## ssh key

ssh-keygen -t rsa -C "chiendv1992@gmail.com"

Sau do nhấn enter

## - Configuring Shared Folders

provider: virtualbox

folders:

- map: ~/code (chua code cua project)

to: /home/vagrant/code (thu muc dong bo voi code project)

- map: ~/code/project1

to: /home/vagrant/code/project1

- map: ~/code/project2

to: /home/vagrant/code/project2

Để bật NFS , bạn chỉ cần thêm một cờ đơn giản vào cấu hình thư mục được đồng bộ hóa của mình:

folders:

- map: ~/code

to: /home/vagrant/code

type: "nfs"

Bạn cũng có thể vượt qua bất kỳ tùy chọn nào được hỗ trợ bởi Thư mục được đồng bộ hóa của Vagrant bằng cách liệt kê chúng dưới options :

folders:

- map: ~/code

to: /home/vagrant/code

type: "rsync"

options:

rsync\_\_args: ["--verbose", "--archive", "--delete", "-zz"]

rsync\_\_exclude: ["node\_modules"]

## - Định cấu hình trang web Nginx

sites:

- map: homestead.test (ten mien dat trong file host)

to: /home/vagrant/code/my-project/public (thu muc chua file index)

## - mo file host trong windows

192.168.10.10 homestead.test

## - chay

vagrant up (thu muc chua file Homestead.yaml)

vagrant destroy --force de huy

vagrant halt ( tat may)

vagrant ssh (de vao ssh)

vagrant reload --provision

## Thêm trang web bổ sung

Khi môi trường Homestead của bạn được cung cấp và chạy, bạn có thể muốn thêm các trang web Nginx bổ sung cho các ứng dụng Laravel của mình. Bạn có thể chạy nhiều cài đặt Laravel như bạn muốn trên một môi trường Homestead duy nhất. Để thêm một trang web bổ sung, hãy thêm trang web vào tệp của bạn :Homestead.yaml

sites:

- map: homestead.test

to: /home/vagrant/code/my-project/public

- map: another.test

to: /home/vagrant/code/another/public

Nếu Vagrant không tự động quản lý tệp "máy chủ" của bạn, bạn cũng có thể cần thêm trang web mới vào tệp đó:

192.168.10.10 homestead.test

192.168.10.10 another.test

Khi trang web đã được thêm, hãy chạy lệnh từ thư mục Homestead của bạn.vagrant reload --provision

## Nhiều phiên bản PHP

Homestead 6 đã giới thiệu hỗ trợ cho nhiều phiên bản PHP trên cùng một máy ảo. Bạn có thể chỉ định phiên bản PHP nào sẽ sử dụng cho một trang web nhất định trong tệp của mình . Các phiên bản PHP có sẵn là: "7.1", "7.2" và "7.3" (mặc định):Homestead.yaml

sites:

- map: homestead.test

to: /home/vagrant/code/my-project/public

php: "7.1"

Ngoài ra, bạn có thể sử dụng bất kỳ phiên bản PHP được hỗ trợ nào thông qua CLI:

php7.1 artisan list

php7.2 artisan list

php7.3 artisan list

## [**Cập nhật Homestead**](https://laravel.com/docs/5.8/homestead#updating-homestead)

Bạn có thể cập nhật Homestead trong một vài bước đơn giản. Trước tiên, bạn nên cập nhật hộp Vagrant bằng vagrant box updatelệnh:

vagrant box update

Tiếp theo, bạn cần cập nhật mã nguồn Homestead. Nếu bạn đã nhân bản kho lưu trữ, bạn có thể chạy các lệnh sau tại vị trí ban đầu bạn đã sao chép kho lưu trữ:

git fetch

git checkout v8.0.1

Các lệnh này lấy mã Homestead mới nhất từ ​​kho GitHub, tìm nạp các thẻ mới nhất và sau đó kiểm tra bản phát hành được gắn thẻ mới nhất. Bạn có thể tìm thấy phiên bản phát hành ổn định mới nhất trên [trang phát hành GitHub](https://github.com/laravel/homestead/releases) .

Nếu bạn đã cài đặt Homestead thông qua tệp của dự án , bạn nên đảm bảo tệp của mình chứa và cập nhật các phụ thuộc của bạn:composer.jsoncomposer.json"laravel/homestead": "^8"

composer update

Cuối cùng, bạn sẽ cần phải phá hủy và tạo lại hộp Homestead của mình để sử dụng bản cài đặt Vagrant mới nhất. Để thực hiện điều này, hãy chạy các lệnh sau trong thư mục Homestead của bạn:

vagrant destroy

vagrant up

## không thể kết nối với mysql khi access define …()

đây là kiểu pass để trống hoặc k nhớ pass nên đặt lại

sudo mysql -u root

DROP USER 'root'@'localhost';

CREATE USER 'root'@'%' IDENTIFIED BY '';

GRANT ALL PRIVILEGES ON \*.\* TO 'root'@'%';

FLUSH PRIVILEGES;

exit

service mysql start

nếu đặt lại pass

$ mysql -u root mysql

$mysql> UPDATE user SET password= password ('my\_password') where USER='root';

$mysql> FLUSH PRIVILEGES;

update user set authentication\_string=password('my\_password') where user='root';